

Bản án số: 27/2023/DS - ST

Ngày: 24 - 7 - 2023

“V/v Tranh chấp thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Minh Sơn

Ông Kiên Ngọc Trương

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 và ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp thừa kế”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lư A**, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đ – Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà **Lư T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: khóm a, phường b, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân thành phố T (vắng mặt)

2/ Ông **Diệp S**, sinh năm 1979

Địa chỉ: khóm a, phường b, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà **Giang Thị T**, sinh năm 1948 (vắng mặt)

4/ Bà **Đỗ Ngọc H**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm a, phường b, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5/ Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lư A trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ có hai người con là bà Lư A và ông Lư C. Cụ Giang Thị Đ chết ngày 20/10/1984, cụ Lư B chết 01/6/2012. Lúc sinh thời cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ có tạo lập được tài sản là diện tích đất 189,1m², thửa số 94, tờ bản đồ số 30, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên đất có 1 căn nhà cấp 4 ngang 4,6m dài 12m xây tường, nền gạch, mái tol. Trước khi chết, cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ không có để lại di chúc.

Năm 2017 không biết bằng cách nào, ông Lư C đã nhận được thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích đất là 189,1m², thửa đất số 94 mà cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ để lại. Năm 2018, ông Lư C đã tặng phần đất trên cho con gái là bà Lư T. Bà không hay biết gì về những việc này. Năm 2020, ông Lư C chết.

Do bà và Lư T không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản. Do đó, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh giải quyết chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích đất là 189,1m², thửa đất số 94, tờ bản đồ số 30, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và căn nhà cấp 4 ngang 4,6m dài 12m xây tường nền gạch, mái tol. Bà đồng ý giao cho bà Lư T được quyền tiếp tục quản lý và sử dụng tài sản trên và bà Lư T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà 50% giá trị tài sản trên theo giá thị trường.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lư T trình bày:

Tài sản mà bà Lư A khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 30, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông cố của bà (cha của cụ Giang Thị Đ) để lại cho bà nội bà là cụ Giang Thị Đ ở cùng ông nội và các con cháu. Nhưng bà nội bà đã chết từ năm 1984. Cha của bà là ông Lư C quản lý sử dụng nhà đất trên từ khi bà mới sinh ra cho đến năm 2017 thì được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đó, khi ông nội của bà còn sống đã đồng ý để tài sản này cho cha bà Lư C đứng tên sở hữu, vì vậy sau khi ông nội chết cha của bà đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, vì vậy tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cha bà và cha bà tặng cho bà sở hữu hợp pháp nên không còn là di sản thừa kế. Việc ông nội của bà để lại tài sản cho cha bà thì trong nhà các cô là bà Giang Thị T (cháu của bà nội), bà Lư A đều biết, bà A trước đó cũng nói không có yêu cầu chia hay ở gì nhưng hiện nay yêu cầu chia thì bà không đồng ý. Tài sản này trong quá trình cha của bà cùng với vợ chồng bà quản lý sử dụng

đã bỏ công sức tôn tạo gìn giữ rất nhiều, cụ thể là san lấp nhiều năm từ nương trũng thành mặt bằng như hiện nay. Còn bà A không có công sức gì đối với tài sản này. Tài sản này theo lời dẫn dò của ông nội và cha bà chỉ để con cháu ở thờ cúng ông bà và không được bán để chia, vì vậy bà yêu cầu Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc chia 50% giá trị tài sản cho bà A.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp S trình bày:*

Ông là chồng của bà Lư T, đối với việc yêu cầu chia thừa kế của bà A thì ông không có ý kiến vì tài sản là của bà T. Về công sức đóng góp thì ông có góp 16.000.000 đồng san lấp sân, sửa nhà cũ và sau đó góp tiền xây dựng nhà mới cùng các tài sản khác trên đất, phần này ông làm để vợ con ông ở nên ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị T trình bày:*

Bà là cháu gọi cụ Giang Thị Đ là cô ruột. Do từ nhỏ cha mẹ bà mất sớm nên bà ở với ông nội (cha của cụ Đ), sau khi ông nội bà mất thì bà ở với cô và dượng là cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ, bà được cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ nuôi dưỡng đồng thời bà cũng làm việc phụ giúp gia đình cô dượng cho đến khi bà trưởng thành và có gia đình riêng, tuy nhiên bà vẫn ở liên kề với cô dượng. Bà biết rõ cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ có 02 người con còn sống đến khi trưởng thành là ông Lư C và bà Lư A. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp bà biết rõ là của ông nội bà để lại cho con cháu ở từ đời cụ Đ đến ông Lư C và nay là Lư T. Nay bà A khởi kiện yêu cầu Lư T chia di sản thừa kế thì bà không có yêu cầu gì, tài sản trên do T quyết định nhưng bà biết có sự việc cụ Lư B cản dận tài sản để con cháu ở không được chia hay bán.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T, bà Võ Thị N, bà Đỗ Ngọc H vắng mặt không có lời khai.*

Tại phiên tòa bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất 189,1m². Riêng về căn nhà của cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ xây dựng trên đất bà thống nhất diện tích và kết cấu nhà theo thẩm định tại chỗ có diện tích là 39.9m² loại nhà cột đúc, tường xây một mặt, mái tol, nền gạch giá trị sử dụng còn lại là 10% và thừa nhận việc ông C, bà T, ông S đã sửa chữa căn nhà này vào năm 2012. Bà xác định ngoài căn nhà và thửa đất trên thì ông Lư B và bà Giang Thị Đ không để lại tài sản nào khác, thừa nhận các tài sản khác trên đất (trừ căn nhà cũ 39,9m²) đều do ông C, bà T, ông S xây dựng không phải là di sản của cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ để lại nên không yêu cầu chia. Về phần tranh chấp (A) theo sơ đồ đo đạc, do lúc trước bà nghĩ là nhà bà T lấn ranh nên bà yêu cầu đo, nay kết quả cung cấp thông tin xác định phần này ngoài phạm vi thửa 194 nên bà không có yêu cầu tranh chấp gì với gia đình bà T. Về giá tài sản, bà A thống nhất thỏa thuận giá theo biên bản định giá ngày 25/8/2022.

Tại phiên tòa bà Lư T thừa nhận diện tích đất tranh chấp 189,1m² thuộc thửa 94 tờ bản đồ 30 loại đất ở đô thị tọa lạc khóm 2, phường 5, thành phố Trà Vinh bà đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ và trên đất có

căn nhà cũ do cụ B và cụ Đ xây dựng bằng cột đúc tường xây một mặt, nền xi măng, mái lá, trước đây cụ B để làm nhà thờ ông bà, còn nhà ở thì có nhà lá phía sau, nhưng sau khi cụ B chết do nhà bị hư hỏng nên bà và ông C đã sửa chữa lại toàn bộ để ở và thờ cúng, đến năm 2012 nhà này cũng không còn sử dụng được nên vợ chồng bà đã cất nhà khác ở và thờ cúng ông bà như hiện nay. Bà T cũng thừa nhận cụ B và cụ Đ có 02 người con là ông Lư C và bà Lư A. Tuy nhiên, bà T yêu cầu áp dụng thời hiệu thừa kế đối với phần di sản của cụ Giang Thị Đ để lại, bà Thúy cho rằng cụ Đ chết năm 1984 đến nay đã hơn 30 năm nên đã hết thời hiệu chia thừa kế, bà là người quản lý di sản này nên di sản này thuộc quyền sở hữu của bà. Riêng phần di sản của cụ Lư B bà T cho rằng khi cụ B còn sống cụ B đã nói tài sản nhà đất để lại cho ông Lư C và dặn ông Lư C cùng con cháu để nhà đất này để ở và thờ cúng ông bà tổ tiên, không được chia hay bán. Vì vậy bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà A. Nếu bà A muốn về ở thì bà đồng ý dành một phần đất cho bà A ở nhưng không đồng ý chia cho bà A quyền sử dụng đất. Về giá tài sản, bà T thống nhất thỏa thuận giá theo biên bản định giá ngày 25/8/2022.

Tại phiên tòa, ông Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Nguồn gốc thửa đất 94 diện tích 189,1m tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh là của cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ để lại, cụ B và cụ Đ có 02 người con là ông Lư C và bà Lư A nên khi cụ B và cụ Đ chết thì quyền thừa kế thuộc về 02 người là ông Lư C và bà Lư Ngọc A. Việc ông C làm tự thủ tục nhận thừa kế di sản trên mà không có đề cập đến bà A là không hợp pháp. Nay ông Lư C đã chết và bà T là người thừa kế của ông C đang quản lý di sản do đó bà T phải có nghĩa vụ chia cho bà A phần di sản thuộc quyền thừa kế của bà A theo yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị công nhận thửa đất 94, tờ bản đồ 30, diện tích 189,1m tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh là tài sản chung của cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ, cụ Đ chết năm 1984 đến năm 1991 cụ B kê khai quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp nên tài sản này là của cụ Biên, năm 2012 cụ Biên chết nên tài sản này trở thành di sản do cụ B để lại vẫn còn thời hiệu chia thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự. Trong di sản này có một phần công sức đóng góp của ông Lư C, bà Lư T về việc quản lý, gìn giữ và tôn tạo di sản, do đó đề nghị tính công sức quản lý, tôn tạo di sản cho bà Lư T bằng 20%/giá trị đất, còn lại chia di sản thừa kế thành 02 suất bằng nhau cho bà A và bà T mỗi người được 01 suất, chấp nhận yêu cầu của bà A về việc giao cho bà T được quyền thụ hưởng hiện vật và bà T có nghĩa vụ hoàn thối giá trị suất thừa kế cho bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố T và bà Giang Thị T, bà Đỗ Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện bà Lư A nộp ngày 16/5/2022, nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất diện tích 189,1m² tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh do cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ chết để lại không có di chúc.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thừa nhận quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ 30, diện tích đất 189,1m² loại đất ở đô thị tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh và căn nhà diện tích 39,9m² kết cấu cột đúc, tường xây 1 mặt, mái tol là tài sản của cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ. Cụ Đ chết ngày 20/10/1984, cụ B chết ngày 01/6/2012.

Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, Điều 36 Pháp lệnh thừa kế số 44, ngày 30/8/1990 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và án lệ số 26/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thời hiệu chia thừa kế 30 năm được tính từ ngày 10/9/1990, đồng thời đây là trường hợp di sản có nhà ở hợp pháp nên áp dụng Nghị quyết số 58/1998/NQ -UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế được cộng thêm 02 năm 06 tháng (thời gian Nghị quyết quy định không tính vào thời hiệu khởi kiện từ 01/7/1996 đến 01/01/1999), nên đây là vụ án tranh chấp chia thừa kế vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 609, Điều 612, Điều 614, 649, 650 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo khoản 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về người thừa kế, hàng thừa kế:

Căn cứ vào các chứng cứ trong sơ thể hiện như tờ khai nhân thân, tàng thư hộ khẩu do nguyên đơn cung cấp, lời khai của người trong thân tộc (bà Giang Thị T), kết quả xác minh từ chính quyền địa phương xác định cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ có 03 người con là ông Lư C, bà Lư A, bà Lư P, nhưng bà Lư P đã chết lúc còn nhỏ. Như vậy tại thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Giang Thị Đ (10/9/1990) thì những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Giang Thị Đ gồm cụ Lư B, ông Lư C và bà Lư A. Năm 2012, cụ Lư B chết, người thừa kế di sản của cụ B và cụ Đ gồm ông Lư C và bà Lư A. Năm 2020, ông Lư C chết, trước khi chết ông C đã định đoạt tài sản cho bà Lư T nên bà T là người thừa kế chuyển tiếp của ông Lư C.

[4] Về di sản:

Việc bà Lư T cho rằng khi ông Lư B còn sống có nói tặng cho ông Lư C tài sản trên nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh, đồng thời sau khi Cụ B chết ông Lư C làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế để được cấp quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ 30, diện tích 189,1m² loại đất ở đô thị tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh mà không có sự đồng ý của bà A là không đúng quy định của pháp luật, nên việc ông Lư C tặng cho toàn bộ di sản trên cho bà Lư T cũng không đúng quy định của pháp luật. Như vậy, quyền sử dụng đất và nhà ở diện tích 39,9m² do cụ B, cụ Đ để lại chưa chia. Tuy nhiên, do bà A chỉ yêu cầu hưởng giá trị tài sản nên không cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C, bà T.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lư A về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ 30, diện tích đất 189,1m² loại đất ở đô thị tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh và căn nhà diện tích 39,9m² kết cấu cột đúc, tường xây 1 mặt, mái tol là có căn cứ chấp nhận do phù hợp quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự.

[6] Về công sức đóng góp trong việc quản lý, gìn giữ, tôn tạo di sản:

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo biên bản định giá ngày 25/8/2022 là 4.847.704.094 đồng, trong đó gồm có tài sản của bị đơn xây dựng như nhà chính diện tích 81,34m², nhà vệ sinh, sân nước, sân đald, hàng rào, mái hiên có tổng giá trị là 304.546.367 đồng và quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ 30, diện tích đất 189,1m² loại đất ở đô thị tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh cùng căn nhà cũ diện tích 39,9m² kết cấu cột đúc, tường xây 1 mặt, mái tol có giá trị là 4.543.157.727 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên thừa nhận từ khi cụ Đ chết, cụ B thường xuyên đến chùa ở, tài sản của cụ B và cụ Đ do ông Lư C quản lý gìn giữ từ năm 1989. Khi bà T trưởng thành và kết hôn bà T cùng chồng là ông Diệp S tiếp tục bỏ công sức tôn tạo, sửa chữa nhà và nâng nền đất, san lấp nương trũng nhưng ông S không có yêu cầu độc lập. Riêng bà T, cần phải tính công sức đóng góp của bà T và cho bà T được thừa hưởng phần công sức của ông C trong khối di sản như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở. Về giá trị công sức đóng góp, xét thấy tuy rằng bà T không xác định được giá trị công sức đóng góp nhưng có thể đánh giá trên thực tế thời gian quản lý di sản của ông C và bà T là trên 30 năm, trong quá trình quản lý tài sản từ năm 1989 ông C và bà T trực tiếp tôn tạo, san lấp nâng cấp giá trị tài sản, cũng trong thời gian này ông C khi ở thời điểm bị bệnh hiểm nghèo, kinh tế khó khăn ông C vẫn kiên quyết gìn giữ tài sản cha mẹ để lại. Khi ông C chết bà T tiếp tục quản lý gìn giữ cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải tính phần công sức gìn giữ, tôn tạo cho bà T bằng 1/3 giá trị di sản là 1.514.385.909 đồng mới đảm bảo công bằng và phù hợp về tình về lý.

[7] Về chia di sản:

Tổng giá trị tài sản nhà và đất là 4.543.157.727 đồng, trừ công sức đóng góp của bà Thúy là 1.514.385.909 đồng, còn lại giá trị di sản là 3.028.771.818 đồng được chia

thành 02 suất thừa kế bằng nhau, mỗi suất là 1.514.385.909 đồng cho bà Lư A hưởng 01 suất và thừa kế của ông Lư C hưởng 01 suất.

Do bà Lư T là người đang trực tiếp quản lý di sản và vợ chồng bà T đã xây dựng nhà ở trên đất, quyền sử dụng đất có chu vi hẹp không thể chia bằng hiện vật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lư A giao tài sản hiện vật cho bà Lư T tiếp tục quản lý sử dụng và bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A giá trị suất thừa kế bà A được hưởng là 1.514.385.909 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định các đương sự phải chịu án phí trên phần giá trị mỗi người thụ hưởng. Do bà Lư A là đối tượng người trên 60 tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí do bà Lư A. Bà Lư T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 6.075.000 đồng. Căn cứ Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Lư A và bà Lư T mỗi người phải chịu 50% là 3.037.500 đồng. Do bà A đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng nên bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà A 3.037.500 đồng và bà A được nhận lại 3.925.000 đồng chi phí tố tụng còn dư.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 92, 157, 158, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 612, Điều 614; Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Án lệ số 05/2016; án lệ số 26/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lư A.

Chia thừa kế phần di sản của cụ Lư B và cụ Giang Thị Đ để lại đối với Quyền sử dụng đất thửa số 94, tờ bản đồ 30, diện tích đất 189,1m² loại đất ở đô thị và căn nhà trên đất có diện tích 39,9m² kết cấu cột đúc, tường xây 1 mặt, mái tol tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh cho bà Lư A được hưởng 01 suất thừa kế có giá trị là 1.514.385.909 đồng và bà Lư T được hưởng 01 suất thừa kế là phần thừa kế của ông Lư C có giá trị là 1.514.385.909 đồng.

Bà Lư T được hưởng giá trị công sức quản lý gìn giữ tôn tạo di sản là 1.514.385.909 đồng.

Giao cho bà Lư T được quyền tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ 30, diện tích đất 189,1m² loại đất ở đô thị tọa lạc khóm a, phường b, thành phố Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05017 do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho bà Lư T ngày 01/02/2018 và căn nhà trên đất.

Buộc bà Lư T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lư A số tiền 1.514.385.909 đồng là giá trị suất thừa kế bà A được chia.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 6.075.000 đồng, bà Lư A và bà Lư T mỗi người phải chịu 3.037.500 đồng. Do bà Lư A đã nộp 10.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng nên Lư T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A 3.037.500 đồng chi phí tố tụng. Bà A được nhận lại 3.925.000 đồng tiền tạm ứng còn dư tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Về án phí: Bà Lư A được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lư T có nghĩa vụ phải chịu 92.575.436 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tổng hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang

